TÒA ÁN NHÂN NHÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**
Bản án số: 257 /2018/DS-PT Ngày: 26 / 7 /2018 V/v tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Toàn.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Sâm Hương.

Bà Võ Thị Thu Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Hương - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa*:* Ông Trần Minh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2018/TLPT-DS ngày 14 tháng 6 năm 2018 về việc tranh chấp: "Hợp đồng góp hụi".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 49/2018/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 176/2018/QĐ-PT ngày 14 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Lê Thị U, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: số T, Tổ B, ấp B, xã A, huyện C, Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Chị Lê Thị Bích T, sinh năm 1982 (có mặt).

Anh Nguyễn Trúc L, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ T, ấp M, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T: Luật sư Lê Hoàng A – Văn phòng luật sư Hoàng A, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- *Người kháng cáo*: Bị đơn Lê Thị Bích T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo án sơ thẩm***, nguyên đơn bà Lê Thị U trình bày:***

Từ năm 2015 âm lịch đến năm 2017 âm lịch chị Lê Thị Bích T cùng anh Nguyễn Trúc L tham gia các dây hụi do bà làm chủ hụi sau khi chị T và anh L hốt hụi xong không đóng hụi chết còn nợ lại số tiền hụi như sau:

1. Dây hụi thứ 1: Hụi 1.000.000 đồng khui ngày 09/11/2015 ÂL, một tháng khui một lần, có 18 phần tham gia, vợ chồng anh L, chị T tham gia 01 phần. Ngày 09/04/2016 ÂL chị T, anh L hốt 14.730.000 đồng. Sau đó chị T, anh L đóng hụi chết từ ngày 09/5/2016 đến 09/9/2016 được 05 lần, do chị T, anh L không đóng hụi, bà phải đóng choàng từ ngày 09/10/2016 ÂL đến tháng 04/2017 là 7 tháng với số tiền 7.000.000 đồng.

2. Dây hụi thứ 2: Hụi 1.000.000 đồng khui ngày 10/12/2015 ÂL, một tháng khui một lần, có 22 phần tham gia, vợ chồng anh L, chị T tham gia 02 phần đến tháng 08/2017 mãn hết. Ngày 10/12/2015 ÂL hốt 13.300.000 đồng. Ngày 10/01/2016 ÂL hốt 13.450.000 đồng. Sau đó, chị T, anh L đóng hụi chết đến ngày 10/9/2016 thì ngưng, bà phải đóng chàng từ ngày 10/10/2016 ÂL – 08/2017 ÂL là 12 tháng x 2 phần với số tiền là 24.000.000 đồng.

3. Dây hụi thứ 3: Hụi 1.000.000 đồng khui ngày 11/7/2016 ÂL, một tháng khui một lần, có 23 phần. Ngày 11/9/2016 ÂL hốt 13.350.000 đồng. Sau đó chị T, anh L đóng hụi chết, bà phải đóng chàng từ ngày 11/10/2016 ÂL – 08/2017 ÂL là 12 tháng với số tiền là 12.000.000 đồng. Còn từ tháng 09/2017 ÂL – 04/2018 ÂL (hụi mãn), chị T phải đóng 8.000.000 đồng tiền hụi chết.

4. Dây hụi thứ 4: Hụi 1.000.000 đồng khui ngày 16/4/2016 ÂL, một tháng khui một lần, có 22 phần. Ngày 16/8/2016 ÂL chị T, anh L hốt 17.090.000 đồng. Sau đó chị T, anh L đóng hụi chết được một tháng, còn lại bà phải đóng choàng từ ngày 16/10/2016 ÂL – 16/12/2017 ÂL (mãn hụi) là 16 tháng với số tiền là 16.000.000 đồng.

5. Dây hụi thứ 5: Hụi 500.000 đồng khui ngày 17/7/2016 ÂL một tháng khui một lần, có 21 phần. Ngày 17/9/2016 ÂL chị T, anh L hốt 6.650.000 đồng. Sau khi hốt hụi, chị T, anh L không đóng hụi chết nên bà phải đóng choàng từ ngày 17/10/2016 ÂL – 17/02/2017 ÂL (Hụi mãn) là 18 tháng với số tiền là 9.000.000 đồng.

6. Dây hụi thứ 6: Hụi 500.000 đồng khui ngày 18/7/2016 ÂL, một tháng khui một lần, có 21 phần. Ngày 18/7/2016 ÂL chị T, anh L hốt đầu được 6.800.000 đồng. Sau đó không đóng hụi chết nên bà phải đóng choàng từ ngày 18/10/2016 ÂL – 18/02/2018 ÂL (Mãn hụi) là 18 tháng với số tiền là 9.000.000 đồng.

7. Dây hụi thứ 7: Hụi 1.000.000 đồng khui ngày 21/5/2015 ÂL, một tháng khui một lần, có 21 phần. Ngày 21/5/2015 ÂL chị T, anh L hốt đầu được 12.650.000 đồng. Sau đó chị T anh L đóng hụi chết được 16 lần + một lần hốt hụi là 17 lần, sau đó không đóng hụi chết, bà phải đóng choàng từ ngày 21/10/2016 ÂL – 21/01/2017 ÂL (Hụi mãn) là 4 tháng với số tiền là 4.000.000 đồng.

8. Dây hụi thứ 8: Hụi 500.000 đồng khui ngày 24/12/2015 ÂL, một tháng khui một lần, có 22 phần (chị T tham gia 02 phần). Ngày 24/01/2016 ÂL hốt 7.200.000 đồng. Ngày 24/02/2016 ÂL hốt 6.500.000 đồng. Sau đó chị T, anh L đóng hụi chết được 09 lần + một lần hốt hụi là 10 lần, sau đó không đóng hụi chết, bà phải đóng choàng từ ngày 24/10/2016 ÂL – 08/2017 ÂL (Hụi mãn) là 12 tháng với số tiền là 12.000.000 đồng.

9. Dây hụi thứ 9: Hụi 1.000.000 đồng khui ngày 22/9/2016 ÂL, một tháng khui một lần, có 21 phần, chị T tham gia 01 phần. Ngày 22/09/2016 ÂL T hốt đầu được 12.650.000 đồng. Sau khi hốt, chị T không đóng bà phải đóng choàng từ ngày 22/10/2016 ÂL – 03/2018 ÂL (Mãn hụi) là 20 tháng với số tiền là 20.000.000 đồng.

10. Dây hụi thứ 10: Hụi 500.000 đồng khui ngày 25/02/2015 ÂL, một tháng khui một lần, có 24 phần, chị T tham gia 01 phần. Ngày 25/4/2015 ÂL chị T hốt vào kỳ thứ 3 được 8.150.000 đồng. Sau đó chị T, anh L đóng hụi chết được 19 lần + một lần hốt là 20 lần, sau đó không đóng hụi chết nên bà phải đóng choàng từ ngày 25/10/2016 ÂL – 01/2017 ÂL (là mãn hụi) hết 4 tháng với số tiền là 2.000.000 đồng.

11. Dây hụi thứ 11: Hụi 500.000 đồng khui ngày 27/5/2015 ÂL, một tháng khui một lần, có 26 phần. Ngày 27/5/2015 ÂL chị T, anh L hốt 8.550.000 đồng. Sau đó chị T, anh L đóng hụi chết được 16 lần + một lần hốt là 17 lần, sau đó không đóng hụi chết nên bà phải đóng choàng từ ngày 27/10/2016 ÂL – 06/2017 ÂL Mãn hụi) là 9 tháng với số tiền là 4.500.000 đồng.

12. Dây hụi thứ 12: Hụi 500.000 đồng khui ngày 28/5/2015 ÂL, một tháng khui một lần, có 22 phần, chị T anh L tham gia 02 phần. Ngày 28/6/2015 ÂL hốt 6.900.000 đồng, Sau đó chị T anh L đóng hụi chết được 15 lần + một lần hốt là 16 lần, đến ngày 28/7/2015 ÂL chị T anh L hốt 7.165.000 đồng. Sau đó chị T anh L đóng hụi chết được 16 lần + một lần hốt là 17 lần. Sau đó không đóng hụi chết của 02 phần, nên bà phải đóng choàng từ ngày 28/10/2016 ÂL – 02/2017 ÂL là 5 tháng với số tiền là 5.000.000 đồng.

Số tiền đến kỳ mà chị đã đóng choàng là 106.500.000 đồng, số tiền chưa đến kỳ đóng là 26.000.000 đồng. Bản thân chị Lê Thị Bích T trực tiếp tham gia chơi hụi, ngoài ra còn có chồng chị T là anh Nguyễn Trúc L tham gia chơi hụi chung. Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị T và anh L cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền đến kỳ và chưa đến kỳ là 132.500.000 đồng. Khi chị T nhận tiền của bà, bà đều tính cộng dồn nợ cho chị T ký tên nhận.

**** Bị đơn chị Lê Thị Bích T trình bày***: Nguyên bà Lê Thị U là đầu thảo tổ chức chơi hụi, chị thừa nhận có tham gia chơi hụi của bà U tổ chức nhưng không phải như bà U kiện chị. Trong 12 dây hụi bà U khởi kiện chị, chị chỉ có tham gia các dây hụi sau:

1. Dây hụi mở ngày 21/5/2015 có 21 phần, mỗi phần là 1.000.000 đồng, 01 tháng mở hụi một kỳ, chị tham gia 01 phần, trúng thăm lĩnh hụi kỳ thứ nhất, phải góp hụi chết lại 20 kỳ, đã góp được 17 kỳ, còn nợ lại 03 kỳ, số tiền là 3.000.000 đồng.

2. Dây hụi mở ngày 27/5/2015 có 23 phần, mỗi phần là 500.000 đồng, 01 tháng mở hụi một kỳ, chị tham gia 01 phần, trúng thăm lĩnh hụi kỳ thứ nhất, phải góp hụi chết lại 22 kỳ, đã góp được 17 kỳ, còn nợ lại 05 kỳ, số tiền là 2.500.000 đồng.

3. Dây hụi mở ngày 28/5/2015 có 22 phần, mỗi phần là 500.000 đồng, 01 tháng mở hụi một kỳ, chị tham gia 01 phần, trúng thăm lĩnh hụi kỳ thứ 2, phải góp hụi chết lại 20 kỳ, đã góp được 16 kỳ, còn nợ lại 04 kỳ, số tiền là 2.000.000 đồng.

4. Dây hụi mở ngày 09/11/2015 có 18 phần, mỗi phần là 1.000.000 đồng, 01 tháng mở hụi một kỳ, chị tham gia 01 phần, trúng thăm lĩnh hụi kỳ thứ 6, phải góp hụi chết lại 12 kỳ, đã góp được 06 kỳ, còn nợ lại 06 kỳ, số tiền là 6.000.000 đồng.

5. Dây hụi mở ngày 10/12/2015 có 22 phần, mỗi phần là 1.000.000 đồng, 01 tháng mở hụi một kỳ, chị tham gia 01 phần, trúng thăm lĩnh hụi kỳ thứ nhất, phải góp hụi chết lại 21 kỳ, đã góp được 10 kỳ, còn nợ lại 11 kỳ, số tiền là 11.000.000 đồng.

6. Dây hụi mở ngày 24/12/2015 có 22 phần, mỗi phần là 500.000 đồng, 01 tháng mở hụi một kỳ, chị tham gia 01 phần, trúng thăm lĩnh hụi kỳ thứ 2, phải góp hụi chết lại 20 kỳ, đã góp được 9 kỳ, còn nợ lại 11 kỳ, số tiền là 5.500.000 đồng.

Tổng cộng chị còn nợ lại bà U là 30.000.000 đồng nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chị xin trả dần hàng tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Ngoài 06 dây hụi nêu trên thì chị không còn tham gia dây hụi nào khác của bà U tổ chức, chị cũng không biết và cũng không có tham gia khui hụi lần nào. Đối với các danh sách hụi bà U cung cấp cho Tòa án có ghi tên chị và tên chồng chị là L là do bà U tự ghi, chị không hề biết và chồng chị là anh L hoàn toàn không có tham gia chơi hụi của bà U tổ chức. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà U yêu cầu chị phải trả số tiền hụi là 132.500.000 đồng chị không đồng ý.

**** Bị đơn anh Nguyễn Trúc L*** trình bày: Giữa anh và bà Lê Thị U không có quan hệ giao dịch làm ăn gì, không có tham gia chơi hụi của bà U, việc chị T là vợ anh tham gia chơi hụi của bà U anh không hề hay biết. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, anh không đồng ý liên đới cùng chị T vì anh không có tham gia chơi hụi của bà U, việc chơi hụi của chị T cũng không nhằm phục vụ nhu cầu của gia đình. Anh có đơn xin xét xử vắng mặt.

* ***Nguyên đơn bà Lê Thị U có ý kiến***: Bà không đồng ý theo lời trình bày của chị T, tổng cộng 12 dây hụi mà bà đã khởi kiện thì chị T đều có biết và có tham gia chơi hụi, đối với anh L chồng của chị T tuy không có trực tiếp chơi hụi nhưng khi chị T lấy tiền góp hụi cho bà thì có mặt anh L và anh L biết chị T dùng tiền để đóng tiền hụi cho bà. Đối với 06 dây hụi mà chị T trình bày thì bà cũng không đồng ý.

* Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Lê Thị U vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu chị T anh L cùng có trách nhiệm trả cho bà số tiền hụi là 132.500.000đồng bà yêu cầu trả một lần. Chị T chỉ thừa nhận có nợ số tiền hụi là 30.000.000đồng và xin trả mỗi tháng 2.000.000đồng cho đến khi hết nợ.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 49/2018/DS-ST ngày 27/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện C đã áp dụng Điều 471, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giãm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị U về việc yêu cầu chị Lê Thị Bích T trả lại cho bà số tiền góp hụi.

Buộc chị Lê Thị Bích T có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lê Thị U số tiền hụi là 105.500.000đồng (Một trăm lẽ năm triệu năm trăm ngàn đồng).

Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Không chấp nhận yêu cầu bà Lê Thị U buộc anh Nguyễn Trúc L liên đới cùng chị Lê Thị Bích T trả lại cho bà số tiền góp hụi

Kể từ ngày bà Lê Thị U có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Lê Thị Bích T chậm thi hành thì còn phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Về án phí : Chị Lê Thị Bích T chịu 5.275.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị U phải chịu 1.350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm phần khởi kiện không được Tòa án chấp nhận, bà đã nộp số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.312.500 đồng theo biên lai thu số 07629 ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, sau khi được cấn trừ bà được hoàn lại 1.962.500 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 04/4/2018 bị đơn Lê Thị Bích T có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà U, ghi nhận sự tự nguyện của bà trả cho bà U 30.000.000 đồng và được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi hết nợ.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Bà U yêu cầu Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm.

* Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị T phát biểu tranh luận và đề nghị Hội đồng xét xử:

Án sơ thẩm căn cứ vào hồ sơ khởi kiện để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà U là không có cơ sở và không khách quan. Các bên tham gia hụi không thực hiện đúng theo Điều 5, 9 Nghị định 144/NĐ-CP của Chính phủ về việc lập danh sách hụi. Bà U lập 12 danh sách hụi sau khi khởi kiện là không khách quan. Lời xác nhận của các người làm chứng phía bà U cung cấp xác nhận chị T tham gia một số dây hụi. Biên nhận ngày 20/9/2016 bà U ghi dây hụi ngày 22/9 là không rõ ràng không minh bạch. Chị T không biết chữ nên không có ký tên vào 12 dây hụi. Chị T là người làm thuê không kinh doanh, mua bán gì, nhưng bà U cho

rằng chị T tham gia 12 dây hụi là không có cơ sở. Trong các dây hụi, bà U cung cấp 06 dây hụi có anh L tham gia, án sơ thẩm chưa xem xét đánh giá đầy đủ chứng cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T, sửa án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Bị đơn kháng cáo chỉ đồng ý trả số tiền hụi 30.000.000 đồng nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Đối với yêu cầu kháng cáo xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng phía nguyên đơn không đồng ý, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận. Đối với yêu cầu xin giảm án phí, do hoàn cảnh của bị đơn khó khăn được Ủy ban nhân dân xã T xác nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm giảm án phí cho bị đơn.

Qua nghiên cứu các chứng cứ tài liệu có tại hồ sơ, nghe các đương sự trình bày trước tòa và quan điểm của Kiểm sát viên, kết quả tranh tụng tại tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lê Thị Bích T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà U khởi kiện cho rằng chị T có tham gia chơi 12 dây hụi do bà làm chủ hụi, sau khi chị T hốt hụi thì không đóng hụi chết cho bà và còn nợ lại tổng số tiền là 132.500.000 đồng. Chị T cho rằng chỉ tham gia chơi 06 dây hụi do bà U làm chủ hụi và chỉ đồng ý trả số tiền hụi chưa đóng là 30.000.000 đồng. Án sơ thẩm thẩm xử buộc chị T trả cho bà U số tiền 105.500.000 đồng. Sau khi án sơ thẩm xử, chị T kháng cáo chỉ đồng ý trả cho bà U số tiền 30.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến hết số tiền trên.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của chị T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào biên nhận ngày 20/9/2016 âm lịch, án sơ thẩm buộc chị T trả cho bà U số tiền hụi 105.500.000 đồng là có căn cứ. Bởi lẽ, theo nội dung biên nhận thể hiện ngày 20/9/2016 chị T ký xác nhận thừa nhận có nợ bà U 12 dây hụi với số tiền 114.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi đối chiếu dây hụi 500.000 đồng khui ngày 27/5/2015 và dây hụi 500.000 đồng (chị T tham gia 02 phần) khui ngày 28/5/2015, thì có chênh nhau 1.500.000 đồng so với yêu cầu khởi kiện ban đầu. Do đó, xác định số tiền nợ 12 dây hụi của chị T còn lại 112.500.000 đồng trừ số tiền 7.000.000 đồng chưa đến kỳ khui hụi, nên buộc chị T có nghĩa vụ trả cho bà U số tiền 105.500.000 đồng. Chị T thừa nhận có ký biên nhận ngày 20/9/2016 nhưng chị T không biết nội dung. Chị T khẳng định, chỉ tham gia chơi 6 dây hụi và còn nợ lại 30.000.000 đồng hụi chết, nhưng không cung cấp chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo. Đối với yêu cầu kháng cáo xin trả dần của chị T nhằm kéo dài thời gian trả nợ, gây thiệt thòi quyền lợi cho bà U, đồng thời

không được phía bà U đồng ý, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lê Thị Bích T.

[4] Ý kiến của Luật sư bảo vệ cho chị T chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự: Chị T có đơn yêu cầu xin giảm án phí, vì hoàn cảnh khó khăn về kinh tế và được Ủy ban nhân nhân dân xã T xác nhận, nên Hội đồng xét xử xem xét giảm ½ án phí sơ thẩm, phúc thẩm cho chị T theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 471, 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giãm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lê Thị Bích T.

Sửa bản án sơ thẩm số: 49/2018/DS-ST ngày 27/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện C về án phí.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị U về việc yêu cầu chị Lê Thị Bích T trả lại cho bà số tiền góp hụi.

Buộc chị Lê Thị Bích T có trách nhiệm hoàn trả cho bà Lê Thị U số tiền hụi là 105.500.000 đồng (Một trăm lẽ năm triệu năm trăm ngàn đồng).

Việc giao nhận tiền được thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Lê Thị U có đơn yêu cầu thi hành án nếu chị Lê Thị Bích T chậm thi hành thì còn phải chịu thêm lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ Luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu bà Lê Thị U buộc anh Nguyễn Trúc L liên đới cùng chị Lê Thị Bích T trả lại cho bà số tiền góp hụi.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Lê Thị Bích T chịu 2.637.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Lê Thị U phải chịu 1.350.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm phần khởi kiện không được Tòa án chấp nhận, bà đã nộp số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.312.500 đồng theo biên lai thu số 07629 ngày 10 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, sau khi được cấn trừ bà được hoàn lại 1.962.500 đồng.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Chị Lê Thị Bích T có nghĩa vụ nộp 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 08443 ngày 04/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, nên hoàn lại cho chị T số tiền 150.000 đồng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

DSPT-2018-H

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Toàn